

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý 36/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn" giữa:

**Nguyên đơn:** Chị Mai Thị T, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Xóm 9, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình;

**Bị đơn:** Anh Ngô Đức N, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Xóm 9, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 55 và các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2022.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Mai Thị T và anh Ngô Đức N.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về con chung (riêng):** Giao cháu Ngô Trung K, sinh ngày 23 tháng 8 năm 2011 và cháu Ngô Trung Q, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2012 cho chị Mai Thị T được tiếp tục, chăm sóc nuôi dưỡng, anh Ngô Đức N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu K và cháu Q hàng tháng với mức 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) cho mỗi cháu mỗi tháng, kể từ tháng 10/2022 cho tới khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh Ngô Đức N có quyền đi lại thăm nom con chung. Còn đối với cháu Ngô Hoàng H, sinh ngày 06 tháng 3 năm 1993 và cháu Ngô Ngọc D, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2000 nay đã trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống nên chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con riêng không ai có nên chị T và anh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày chị Mai Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Ngô Đức N không thi hành hết khoản tiền trên thì anh Ngô Đức N phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

**2.2. Về tài sản, công nợ và đất nông nghiệp:** Chị Mai Thị T và anh Ngô Đức N thống nhất thỏa thuận: Giao cho anh Ngô Đức N được quản lý, sở hữu, sử dụng toàn bộ phần đất ở cắt theo chiều mặt đường từ Bắc xuống Nam là 9m, tính mốc giới từ bờ thành giáp đất nhà ông H kéo xuống phía Nam rộng 9m và phía sau giáp đất nhà ông P tính từ điểm tiếp giáp bờ thành đất nhà ông H kéo xuống phía Nam rộng đủ 9m, đánh dấu 1 điểm, kéo nối từ điểm 9m từ phía Đông tiếp nối với điểm 9m từ phía Tây sang Đông chạy dài hết khung thổ, chiều dài khung thổ phía Bắc và phía Nam đều dài 21,91m. Tổng diện tích anh N được quản lý sử dụng, định đoạt là 197,19 m<sup>2</sup>, trong đó đất ở là 126 m<sup>2</sup> còn lại là đất vườn 71,19 m<sup>2</sup> cùng toàn bộ phần tài sản nhà và công trình phụ trợ khác có trên diện tích đất được chia, thuộc thửa 611 tờ bản đồ số 03, tại xã K, huyện Y. Tổng giá trị bằng tiền nhà và đất anh N được quản lý sử dụng là 745.688.000 đồng. Giao cho chị Mai Thị T được quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản là động sản gồm: tivi, tủ lạnh, bàn ghế, xe máy, giường, tủ và vật dụng trong gia đình có giá trị 55.843.000 đồng và được quyền quản lý, sử dụng sở hữu phần diện tích đất còn lại là 74 m<sup>2</sup> đất ở và 310,81 m<sup>2</sup> đất vườn cùng toàn bộ tài sản, hoa màu có trên đất, thuộc thửa 611 tờ bản đồ số 03, tại xã K, huyện Y. Tổng giá trị tài sản và đất giao cho chị T được quản lý, sử dụng, định đoạt là 406.678.000 đồng. Anh Ngô Đức N và chị Mai Thị T không phải thanh toán phần tiền chênh lệch về tài sản chung cho nhau (đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh N).

Về tài sản riêng và công nợ không có nên chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **2.3. Về án phí:**

- Chị Mai Thị T nộp án phí về thuận tình ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) và án phí chia tài sản là 10.134.000 đồng (*mười triệu một trăm ba mươi tư nghìn đồng*) để sung ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 20.641.000 đồng (*hai mươi triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/ 2021/0005552 ngày 22 tháng 03 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Anh Ngô Đức N nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ và nộp 16.914.000 đồng (*mười sáu triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng*) án phí chia tài sản để sung ngân sách Nhà nước.

- Hoàn trả lại cho chị Mai Thị T số tiền là 10.357.000 đồng (*mười triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của

Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

**Nơi gửi:**

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THADS huyện Y.
- UBND xã K.
- Đường sự.
- L- u hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Nhật Trung**